

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH KHÁNH HÒA**

**Bản án số: 153/2019/HSPT
Ngày: 21/11/2019**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà LÂM VƯƠNG MỸ LINH

Các Thẩm phán: 1/ Bà BÙI THỊ NGHĨA
2/ Ông NGUYỄN TUẤN LONG

- *Thư ký phiên tòa:* Ông PHÙNG TẤN ĐẠT – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa:* Ông NGUYỄN VĂN NHƠN - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 164/2019/TLPT-HS ngày 10 tháng 10 năm 2019 đối với bị cáo Bùi Văn Hùng T và Nguyễn Hữu Th, do có kháng cáo của các bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 41/2019/HSST ngày 28/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Khánh Hòa.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1/ BÙI VĂN HÙNG T (tên gọi khác: Chó) - Sinh năm 1992 tại Khánh Hòa
Nơi cư trú: Tổ dân phố P, thị trấn D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa.

Nghề nghiệp: không; Trình độ học vấn: 6/12; Dân tộc: Kinh;

Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam

Con bà Bùi Thị Kim B – sinh năm 1963; không rõ cha

Chưa có vợ con

Tiền sự: Không

Tiền án:

- Bản án số 220/2011/HSPT ngày 20/12/2011 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xử phạt 18 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 23/01/2013.

- Bản án số 41/2014/HSPT ngày 20/3/2014 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xử phạt 3 năm 6 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 11/01/2017, chưa nộp 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Nhân thân:

- Bản án số 15/2010/HS-ST ngày 31/3/2010 của Tòa án nhân dân huyện D xử phạt 6 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999 (bị cáo phạm tội khi đang ở độ tuổi từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi).

- Bản án số 29/2010/HS-ST ngày 31/3/2010 của Tòa án nhân dân huyện D xử phạt 9 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ

luật Hình sự năm 1999, tổng hợp hình phạt với bản án số 15/2010/HS-ST ngày 31/3/2010 là 15 tháng tù, chấp hành xong hình phạt tù ngày 02/6/2011 (bị cáo phạm tội khi đang ở độ tuổi từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi).

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 15/11/2018; có mặt tại phiên tòa.

2/ NGUYỄN HỮU TH - Sinh năm 1992 tại Khánh Hòa

Nơi cư trú: Thôn 3, xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa.

Nghề nghiệp: lao động tự do; Trình độ học vấn: 8/12; Dân tộc: Kinh;

Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam

Con ông Nguyễn Đình K – sinh năm: 1968 và bà Nguyễn Thị Thu T – sinh năm 1972.

Chưa có vợ con

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 00 giờ ngày 12/9/2018, Bùi Văn Hùng T đi bộ một mình từ tổ dân phố P, thị trấn D qua xã DS, huyện D để tìm tài sản trộm cắp. Khi đi ngang qua dãy phòng trọ tại thôn T1, xã DS phát hiện xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, kiểu dáng Exciter, màu sơn đỏ - đen, biển số: 79D1-A do ông Trần Bá Q đứng tên chủ xe dựng trước phòng trọ không có người trông coi, cổng không khóa, T đẩy cửa đi vào bên trong, dắt xe mô tô ra đường, nổ máy điều khiển về phòng trọ của T tại thôn Đ, xã DD. T tháo biển kiểm soát, ốp nhựa phía dưới gần lốc máy bỏ vào bịch nilon vứt vào bao rác trước phòng trọ. T sử dụng xe mô tô trên làm phương tiện đi lại, đến ngày 20/9/2018 bị ông Trần Bá Q phát hiện, T để xe lại rồi bỏ trốn. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện D truy tìm, đến ngày 15/11/2018 phát hiện đưa T về trụ sở làm việc. Tại cơ quan Công an, T đã khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp như trên.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 50/KL-HĐĐGTS ngày 27/9/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện D xác định: Xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, kiểu dáng Exciter, màu sơn đỏ - đen, số máy G3D4E375811, số khung: 0610GY358100 trị giá 40.800.000 đồng.

Quá trình điều tra phát hiện được từ tháng 9/2018 đến tháng 11/2018, T đã thực hiện 08 vụ chiếm đoạt tài sản khác trên địa bàn huyện D, cụ thể:

Vụ thứ 1: Khoảng 01 giờ ngày 07/9/2018, T leo rào vào nhà ông Nguyễn Tấn Tr tại thôn N2, xã DS trộm cắp 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J4 màu đen, màn hình cảm ứng đã bị nứt; 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Exciter, màu sơn đỏ - đen, gắn biển số: 79N1-B điều khiển về phòng trọ của T cất giấu. T tháo biển số xe nêu trên và gắn biển số: 79D1-C (biển số mua qua mạng xã hội) sử dụng một thời gian rồi đưa cho bạn gái là Phan Thị Ngọc A trú tại thôn T2, xã DD mượn làm phương tiện đi lại. Qua xác minh, xe mô tô nêu trên là tài sản của ông Nguyễn Văn B trú tại xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa bị mất vào ngày 17/10/2017 tại phường V, thành phố N. Ông Tr khai vào năm 2017 (không nhớ rõ

ngày tháng), ông Tr mua xe mô tô trên từ một người đàn ông tại thành phố N (không rõ nhân thân lai lịch) với giá 27.000.000 đồng và được người này bao làm giấy tờ sang tên cho ông Tr. Khi người đàn ông này giao xe và Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số: 016707 đứng tên chủ xe Nguyễn Tấn Tr, ông Tr đã kiểm tra thấy số khung, số máy trong giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô đúng với số khung, số máy của xe mô tô nên tin giấy chứng nhận này là thật, sử dụng bình thường cho đến khi bị mất xe. Tại bản Kết luận giám định số: 55/GĐTP ngày 17/12/2018 của phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Khánh Hòa kết luận: Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số: 016707 đứng tên chủ xe Nguyễn Tấn Tr là giả.

Bản kết luận định giá tài sản số: 78/KL-HĐĐGTS ngày 14/12/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện D xác định: Xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Exciter, màu sơn đỏ - đen, số khung: RLCUG0610FY163660, số máy: G3D4E176563 trị giá 36.750.000 đồng; điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J4 màu đen, màn hình cảm ứng đã bị nứt trị giá 1.950.000 đồng.

Vụ thứ 2: Khoảng 01 giờ ngày 09/9/2018, T vào nhà ông Trần Văn C tại thôn T1, xã DS trộm cắp 01 chiếc ví của ông Võ Văn T2 bên trong có 2.200.000 đồng, 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Exciter, màu xanh bạc, biển số: 79D1-D của ông Trần Văn C điều khiển về phòng trọ cất giấu. Sau đó T bán xe mô tô này cho một thanh niên (không rõ nhân thân lai lịch) thông qua trang mạng mua bán xe máy cũ được 7.000.000 đồng, sử dụng tiêu xài cá nhân.

Bản kết luận định giá tài sản số: 75/KL-HĐĐGTS ngày 14/12/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện D xác định: Xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Exciter, màu xanh - bạc, số khung: RLCUG0610GY292085, số máy: G3D4E306693, biển số: 79D1-D trị giá 42.500.000 đồng.

Vụ thứ 3: Khoảng 01 giờ ngày 02/10/2018, T tiếp tục vào nhà ông Trần Văn C trộm cắp 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Vision, màu đỏ nâu, biển số: 79D1-E của bà Võ Thị Mỹ N điều khiển xe đến đường bê tông trước Trường THCS T tại xã ĐĐ dựng. Sau đó, T quay lại nhà ông C trộm cắp 01 xe mô tô nhãn hiệu WISE, màu sơn xanh, biển số: 79F2-F của ông Võ Văn T2 (ông Lê Văn N đứng tên chủ xe; ông N đã bán xe cho ông T2 năm 2003 nhưng chưa làm thủ tục sang tên) điều khiển được một đoạn thì xe bị tắt máy. Tiến bỏ xe mô tô này lại ngoài đường rồi đi đến chỗ dựng xe nhãn hiệu Honda Vision điều khiển xe này chạy về phòng trọ cất giấu, tháo biển số vứt vào sọt rác. Ngày 10/10/2018, T bán cho Nguyễn Hữu Th ở cùng dãy trọ với T với giá 6.000.000 đồng. Do xe không biển số, Th nhờ T đặt mua một biển số giả để sử dụng. Sau đó, T đưa biển số: 79H1-314.08 cho Th gắn vào xe mô tô làm phương tiện đi lại. Ngày 15/11/2018, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện D mời Th lên làm việc và thu giữ chiếc xe trên. Th khai nhận biết xe T trộm cắp nhưng vẫn đồng ý mua.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 76/KL-HĐĐGTS ngày 14/12/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện D xác định: Xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Vision, màu đỏ nâu, số khung: RLHJF5819GY369576, số máy: JF66E0360068 trị giá 29.700.000 đồng; xe mô tô nhãn hiệu WISE, màu sơn xanh,

số khung: WS110-00700517, số máy: WS110- 00138089, biển số: 79F2-F trị giá 2.200.000 đồng.

Vụ thứ 4: Khoảng 01 giờ ngày 08/10/2018, T vào nhà ông Nguyễn Quốc D tại thôn T2, xã DS, vào phòng ngủ thứ nhất lấy 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J7 Pro màu vàng, vào phòng ngủ thứ hai lấy 01 nhẫn vàng đính đá loại 18k, trọng lượng 8 phân 6 ly trên kệ bàn, 01 chiếc máy khoan tay hiệu DeWALT màu vàng. T lấy chìa khóa trong nhà ông D mở cổng, lấy cắp 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Winner, màu cam đen, biển số: 79D1-G của ông Nguyễn Phú Q điều khiển về phòng trọ cất giấu. T đã bán xe mô tô nêu trên cho người tên H ở V (chưa xác định được nhân thân lai lịch) với giá 10.000.000 đồng; bán chiếc điện thoại di động nêu trên cho người tên H ở thành phố N (chưa xác định được nhân thân lai lịch) qua mạng mua bán điện thoại cũ với giá 2.400.000 đồng. Chiếc nhẫn vàng đính đá T đeo trên tay và chiếc máy khoan đã bị Công an thu giữ qua khám xét phòng thuê trọ của T.

Bản kết luận định giá tài sản số: 81/KL-HĐĐGTS ngày 24/12/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện D xác định: Xe mô tô nhãn hiệu Honda Winner, màu cam đen, số khung: 2609GY043721, số máy KC26E1065814, biển số: 79D1-L trị giá 39.600.000 đồng; điện thoại di động hiệu Samsung J7 Pro màu vàng trị giá 5.525.000 đồng; máy khoan nhãn hiệu DeWALT màu vàng trị giá 700.000 đồng; nhẫn vàng đính đá loại 18k, trọng lượng 8 phân 6 ly trị giá 2.190.000 đồng.

Vụ thứ 5: Khoảng 01 giờ ngày 23/10/2018, T vào nhà bà Ngô Thị V tại thôn T1, xã DS trộm cắp 01 điện thoại nhãn hiệu OPPO F9 màu đỏ, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J7 màu trắng, 01 điện thoại di động loại bàn phím cứng nhãn hiệu Nokia màu tím và số tiền 4.700.000 đồng để trong ví. Chiếc điện thoại nhãn hiệu OPPO F9 T bán cho một thanh niên (chưa xác định được nhân thân lai lịch) qua mạng mua bán điện thoại được 3.800.000 đồng; chiếc điện thoại di động hiệu Samsung J7 T sử dụng đã bị Công an thu giữ; chiếc điện thoại di động loại bàn phím cứng nhãn hiệu Nokia, T đã làm mất và số tiền 4.700.000 đồng T đã tiêu xài cá nhân.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 74/KL-HĐĐGTS ngày 14/12/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện D xác định: Điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F9 màu đỏ trị giá 6.390.000 đồng; điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J7 màu trắng trị giá 4.160.000 đồng; điện thoại di động loại bàn phím cứng nhãn hiệu Nokia màu tím trị giá 350.000 đồng.

Vụ thứ 6: Khoảng 01 giờ ngày 27/10/2018, T vào nhà vợ chồng ông Trần Chí C, bà Nguyễn Thị Trúc L tại thôn T4, xã DS. T vào phòng ngủ trộm cắp 01 chiếc điện thoại di động bàn phím cứng nhãn hiệu Mobiistar, màu đen, số tiền 700.000 đồng để trong tủ và 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius, màu đen - đỏ, biển số: 79D1-J do bà Nguyễn Thị Trúc L đứng tên chủ xe. T nổ máy điều khiển xe về phòng trọ cất giấu, sau đó T bán xe cho một người phụ nữ (chưa xác định được nhân thân lai lịch) qua mạng mua bán xe cũ được 3.200.000 đồng tiêu xài cá nhân; chiếc điện thoại di động T sử dụng rồi làm mất.

Bản kết luận định giá tài sản số: 77/KL-HĐĐGTS ngày 14/12/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện D xác định: Xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius, màu đen - đỏ, số khung: 30CY629077, số máy: 5C63629125, biển số: 79D1-J trị giá 9.000.000 đồng; điện thoại di động bàn phím cứng nhãn hiệu Mobiistar, màu đen trị giá 300.000 đồng.

Vụ thứ 7: Khoảng 01 giờ ngày 04/11/2018, T đi bộ ngang qua đình Đ, xã DD phát hiện 01 xe đạp điện nhãn hiệu NHbike màu trắng - cam - đen của ông Nguyễn Thái Q trú tại thôn T2, xã DD đi cùng lễ dựng trước cổng đình, không người trông coi, T đến mở khóa điều khiển xe và phòng trọ cất giấu. Ngày 15/11/2018, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện D tiến hành khám xét phòng trọ thu giữ chiếc xe đạp điện nêu trên.

Bản kết luận định giá tài sản số: 72/KL-HĐĐGTS ngày 14/12/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện D xác định: Xe đạp điện nhãn hiệu NHbike, màu trắng - cam - đen trị giá 4.500.000 đồng.

Vụ thứ 8: Khoảng 01 giờ ngày 08/11/2018, T dùng kèm cắt lưới B40 vào nhà bà Nguyễn Thị Hoài Ngọc H tại thôn T1, xã DD trộm cắp 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Exciter, màu xanh - bạc - đen, biển số: 49D1-H để trong sân nhà (ông Nguyễn Thanh Tr đứng tên chủ xe; ông Tr cư trú tại huyện L, tỉnh L giao xe cho vợ là bà H sử dụng). Tiến nổ máy điều khiển xe mô tô về phòng trọ cất giấu, tháo biển số vít vào sọt rác và gắn biển số: 79D1-H để sử dụng làm phương tiện đi lại, sau đó bị Công an huyện D phát hiện thu giữ xe.

Bản kết luận định giá tài sản số: 73/KL-HĐĐGTS ngày 14/12/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện D xác định: Xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Exciter, màu xanh - bạc - đen, số khung: 0610HY486556, số máy: G3D4E508479 trị giá 45.000.000 đồng.

Quá trình điều tra, các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình.

Bản án hình sự sơ thẩm số 41/2019/HSST ngày 28/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Khánh Hòa đã quyết định: Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm b, g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt Bùi Văn Hùng T 9 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam 15/11/2018. Căn cứ khoản 1 Điều 323, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt Nguyễn Hữu Th 6 tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt thi hành án.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm dân sự, về vật chứng vụ án, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 10/9/2019, bị cáo Bùi Văn Hùng T có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Ngày 05/9/2019, bị cáo Nguyễn Hữu Th có đơn kháng cáo xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Bùi Văn Hùng T và Nguyễn Hữu Th giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa

đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tại lời nói sau cùng, bị cáo Nguyễn Hữu Th xin Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng án treo. Bị cáo Bùi Văn Hùng T không nói lời nói sau cùng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của kháng cáo:

Đơn kháng cáo của bị cáo Bùi Văn Hùng T đề ngày 9/9/2019, được xác nhận của Nhà tạm giữ Công an huyện D, tỉnh Khánh Hòa ngày 10/9/2019 và được nộp trực tiếp cho Tòa án nhân dân huyện D vào cùng ngày. Theo quy định tại Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, đơn kháng cáo của các bị cáo là hợp pháp, do đó, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chấp nhận xem xét giải quyết các đơn kháng cáo nói trên theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về trách nhiệm hình sự của các bị cáo:

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Bùi Văn Hùng Tiến và Nguyễn Hữu Thành thừa nhận toàn bộ hành vi các bị cáo đã thực hiện như nội dung bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Có đủ cơ sở để xác định rằng, trong thời gian từ tháng 9 năm 2018 đến tháng 11 năm 2018, bị cáo Bùi Văn Hùng T đã 9 lần có hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của nhiều người bị hại, tổng giá trị tài sản mà bị cáo T chiếm đoạt là 279.275.000 đồng. Ngày 10/10/2018, mặc dù biết rõ chiếc xe mô tô hiệu Honda, loại Vision, màu đỏ nâu là tài sản do Bùi Văn Hùng T trộm cắp mà có nhưng Nguyễn Hữu Th vẫn đồng ý mua lại chiếc xe này với giá 6.000.000 đồng và nhờ T đặt mua biển số giả, gắn vào phương tiện để sử dụng. Như vậy, bản án sơ thẩm xét xử bị cáo Bùi Văn Hùng T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 3 điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 và xét xử bị cáo Nguyễn Hữu Th về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định tại khoản 1 điều 323 Bộ luật Hình sự năm 2015 là có căn cứ và đúng pháp luật.

[3] Về nội dung kháng cáo của các bị cáo:

Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: Đối với bị cáo Bùi Văn Hùng T, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã liên tiếp nhiều lần xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo hộ, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự ở địa phương. Bị cáo Bùi Văn Hùng T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt vì lý do hoàn cảnh gia đình khó khăn, tuy nhiên hành vi phạm tội của bị cáo là rất nghiêm trọng, bị cáo có nhân thân rất xấu, phạm tội có tính chất chuyên nghiệp và có nhiều tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015. Đối với bị cáo Nguyễn Hữu Th đã được Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm xem xét và áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Tài sản do bị cáo Nguyễn Hữu Th tiêu thụ có giá trị lớn, sau khi mua lại tài sản trộm cắp, bị cáo đã chủ động trang bị biển số xe

giả để lưu hành. Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Bùi Văn Hùng T và Nguyễn Hữu Th không xuất trình được tài liệu, chứng cứ chứng minh các bị cáo có tình tiết giảm nhẹ nào mới được quy định tại Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015. Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để xử phạt bị cáo Bùi Văn Hùng T 9 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 và xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu Th 6 tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự năm 2015 là hoàn toàn phù hợp với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của các bị cáo và cần thiết để giáo dục, phòng ngừa chung cho xã hội. Vì vậy, không có cơ sở để Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Bùi Văn Hùng T và cho bị cáo Nguyễn Hữu Th được hưởng án treo theo nội dung kháng cáo của các bị cáo mà cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Về án phí: Các bị cáo Bùi Văn Hùng T và Nguyễn Hữu Th phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời gian kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

1/ Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Bùi Văn Hùng T và Nguyễn Hữu Th, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm b, g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015;

Xử phạt bị cáo **BÙI VĂN HÙNG T** 9 (chín) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam 15/11/2018.

Căn cứ khoản 1 Điều 323, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015;

Xử phạt bị cáo **NGUYỄN HỮU TH** 6 (sáu) tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

2/ **Về án phí:** Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Các bị cáo Bùi Văn Hùng T và Nguyễn Hữu Th mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

3/ Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GĐKT1 - TANDTC
- VKSND tỉnh Khánh Hòa
- Công an tỉnh Khánh Hòa (Phòng hồ sơ)
- Công an huyện D
- VKSND huyện D
- Chi cục THADS huyện D
- TAND huyện D
- Sở Tư pháp tỉnh K/Hòa
- Bị cáo
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

LÂM VƯƠNG MỸ LINH